| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: **477**/2022/DS-PT
Ngày: 23/11/2022
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay vốn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thu Hồng.
*Các Thẩm phán*: 1. Ông Vũ Toàn Giang
2. Bà Trần Thị Thu Nam

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 345/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng vay vốn*".

Do bản án sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 421/2022/QĐ-PT ngày 21/10/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 471/2022/QĐHT-PT ngày 08/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1949; trú tại: ĐL, phường VT, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV SLC; địa chỉ: BT16A3-12 Làng Việt Kiều Châu Âu - Khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021); người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng Sơn - Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn Việt, bà Bùi Thu Hằng (theo Quyết định ngày 17/6/2022).

2/ Bị đơn: **Công ty Cổ phần TX (PO)**; trụ sở: Số Z phố C, phường LT, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: DT, phường DVH, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Phú B** - Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền *(theo Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2022)*:

1. Ông **Trịnh Quang C**; trú tại: đường H, phường NH, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

2. Ông **Bùi Hoài T**; trú tại: đường H, phường NH, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2021 của ông Lê Văn N và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do bà Bùi Thu H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Ông Lê Văn N nguyên là Thường trực Đảng ủy thuộc Phòng Tổ chức cán bộ của Công ty BĐ. Năm 2008, khi Công ty gặp khó khăn cần huy động vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, ông đã cho Công ty BĐ vay vốn bằng khoản tiền lương mà Công ty nợ.

Ngày 26/3/2008, giữa ông Lê Văn N và Công ty BĐ ký Hợp đồng vay vốn số 11/2008/PTICC-HĐVV, số tiền vay 94.583.129 đồng, mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh theo phương án huy động vốn năm 2008, biện pháp bảo đảm là tín chấp, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 27/3/2008. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ 27/3/2008 đến 26/3/2009 là 8,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ 27/3/2009 sẽ áp dụng theo lãi suất trái phiếu Chính Phủ (do Ngân hàng Phát triển Nhà nước Việt Nam phát hành loại thời hạn 5 năm) kỳ gần nhất liền trước ngày 27/3/2009. Việc thay đổi lãi suất sẽ được Công ty BĐ thông báo bằng văn bản qua đường thư, fax hoặc gửi trực tiếp đến Bên Cho vay. Trường hợp Công ty không có thông báo thì lãi suất áp dụng trong thời kỳ trả nợ tiếp theo được coi là không điều chỉnh và bằng lãi suất của kỳ hạn liền trước.

Tiền gốc, lãi được thanh toán làm 02 đợt: đợt 1, ngày 27/3/2009 thanh toán 50% nợ gốc + lãi; đợt 2, ngày 27/3/2010 thanh toán hết nợ gốc + lãi.

Năm 2012, hai bên ký Phụ lục 01 - Hợp đồng vay vốn Cán bộ công nhân viên để xác nhận lại số tiền vay giảm xuống vì giảm doanh thu quyết toán Công ty BĐ trong giai đoạn 2008 - 2010 do các cơ quan thanh tra kiểm tra xác định lại quỹ tiền lương, số tiền lương công ty phải trả cho người lao động từ 2004 - 2007 và trừ thuế thu nhập cá nhân, các quỹ người lao động phải nộp năm 2008. Phụ lục xác định số tiền gốc vay là 67.182.296 đồng, lãi phải trả đến 31/12/2011, dự kiến trả hết nợ gốc và lãi vào 31/12/2014.

Công ty BĐ đã trả ông Lê Văn N 37.579.844 đồng nợ gốc, cụ thể: ngày 10/10/2012, Công ty trả 3.000.000 đồng; ngày 24/10/2012, Công ty trả 10.437.000 đồng; ngày 31/12/2014, Công ty trả 5.375.000 đồng; ngày 06/5/2015, Công ty trả 4.838.000 đồng; ngày 02/10/2015, Công ty đã 6.529.844 đồng; ngày 30/12/2015, Công ty đã 7.400.000 đồng. Công ty BĐ còn nợ ông Lê Văn N số tiền gốc là 29.602.452 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01, Công ty BĐ không thanh toán đúng thỏa thuận qua việc chỉ trả một phần gốc và trả không đúng hạn, không trả lãi vay.

Ngày 16/9/2019, Công ty BĐ gửi công văn số 10/CV-PO-0407 yêu cầu ông Lê Văn N mang Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01 của Hợp đồng đến đối chiếu, ký xác nhận vào bảng số liệu nợ gốc tính đến ngày 30/8/2019 do Công ty lập. Công ty cam kết thanh toán cho các hợp đồng hoàn hiện thanh lý trước ngày 15/11/2019. Tuy nhiên, sau đó Công ty không thực hiện thanh toán.

Nay ông Lê Văn N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty BĐ phải thanh toán cho ông Lê Văn N nợ gốc là 29.602.452 đồng, nợ lãi từ 27/3/2008 đến 31/12/2011 (đã được xác nhận tại Phụ lục 01 năm 2012) là 21.795.058 đồng, nợ lãi từ 01/01/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 8,5%/năm là 34.790.461 đồng. Tổng cộng là 86.187.971 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

*Bị đơn - Công ty BĐ do ông ông Trịnh Quang C, ông Bùi Hoài T đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày*:

Tại đơn đề ngày 04/4.2/22, ông Trịnh Quang C và ông Bùi Hoài T trình bày: Công ty BĐ tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc VNPT. Năm 2016, sau cổ phần hóa, Công ty được chuyển giao từ doanh nghiệp Nhà nước thành doanh nghiệp tư nhân. Theo hồ sơ còn lưu lại tại Công ty BĐ; năm 2008, Công ty BĐ đã ký Hợp đồng vay vốn với một số cán bộ, nhân viên trong Công ty, hợp đồng vay có thời hạn 02 năm từ tháng 10/2008 đến tháng 10/2010. Năm 2016, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy có nhiều dấu hiệu bất thường tại các hợp đồng vay vốn nói trên như: Không có phiếu nộp tiền về Quỹ của Công ty; dòng tiền vay của cán bộ, nhân viên không biết đi đâu, sử dụng vào mục đích gì; nhiều hợp đồng ký trong giai đoạn này được ký kết nhưng không được thực hiện; nhiều hợp đồng ký kết khi chưa có chủ trương đầu tư nhưng đều được kê khai doanh số.

Vì các lý do nêu trên, Công ty BĐ đã tạm dừng chi trả các khoản lãi, vốn để điều tra xác minh. Trong quá trình điều tra, xác minh Công ty nghi ngờ các Hợp đồng vay vốn giữa Công ty và ông/bà nêu trên là Hợp đồng giả tạo, Ban lãnh đạo cũ của Công ty trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2015 có dấu hiệu cấu kết với một số cá nhân trong Công ty để tạo dựng chứng từ giả với mục đích chiếm đoạt tài sản Nhà nước và các mục đích khác như: Khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp; hợp thức hóa các khoản tiền tồn quỹ công ty từ các Hợp đồng kinh tế không có thật; tăng nguồn vốn của Công ty để lấy thành tích và trục lợi. Công ty đã nhiều lần mời các cá nhân liên quan đến Hợp đồng vay vốn đến làm việc và yêu cầu xuất trình các giấy tờ liên quan như phiếu thu, giấy nộp tiền về quỹ của công ty để chứng minh đây là khoản nợ có thật nhưng các cá nhân này đều trốn tránh, không đến làm việc và không cung cấp được giấy từ nêu trên.

Công ty BĐ đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác minh khoản vay theo hợp đồng vay vốn, xác minh có dấu hiệu tham nhũng, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước tại Công ty giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2015.

Tại đơn đề ngày 20/04/2022 ông Trịnh Quang C và ông Bùi Hoài T đề nghị đưa ông Hoàng Ứng Huyền nguyên Giám đốc Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây

dựng BĐ đã ký Hợp đồng vay vốn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Trịnh Quang C và ông Bùi Hoài T đều vắng mặt, không nộp tài liệu chứng cứ.

*Tại bản án sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đã xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng BĐ (PO).

2. Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng BĐ (PO) phải thanh toán cho ông Lê Văn N nợ gốc là 29.602.452 đồng, nợ lãi từ ngày 27.3.2008 đến ngày xét xử sơ thẩm là 56.585.519 đồng. Tổng cộng là 86.187.971 đồng (tám mươi sáu triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi mốt đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí, tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau phiên toà sơ thẩm, ngày 25/7/2022, ông Trịnh Quang Chiến, ông Bùi Hoài Thanh kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hoặc bác yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

*Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày*: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] *Về quyền khởi kiện*:

Theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn N đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty BĐ phải thanh toán cho ông Lê Văn N nợ gốc là 29.602.452 đồng, nợ lãi từ 27/3/2008 đến 31/12/2011 (đã được xác nhận tại Phụ lục 01 năm 2012) là 21.795.058 đồng, nợ lãi từ 01/01/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 8,5%/năm là 34.790.461 đồng. Tổng cộng là 86.187.971 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn nêu trên là đảm bảo quyền khởi kiện theo Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại số 82 (địa chỉ cũ 83) phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Do vậy, Toà án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đã thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án và loại việc được qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật; tư cách người tham gia tố tụng*:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] *Về kháng cáo*:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/7/2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt. Ngày 13/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tống đạt bản án sơ thẩm cho đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo quy định của pháp luật. Ngày 25/7/2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo và nộp cho Toà án cấp sơ thẩm; người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó kháng cáo đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phạm vi kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hoặc bác yêu cầu của nguyên đơn.

[1.5] *Về chứng cứ*:

Tại Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/5/2022, Toà án cấp sơ thẩm đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự nộp và do Toà án thu thập. Các đương sự có mặt đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do hai bên đương sự cung cấp và Toà án thu thập. Ngoài tài liệu, chứng cứ xuất trình tại phiên họp các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, không có ý kiến phản đối về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Sau phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/5/2022, bị đơn không có ý kiến phản đối gì đối với nội dung Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ ngày 24/5/2022.

Do vậy, những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Toà án sử dụng làm căn cứ giải quyết đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.6] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm*:

Các đương sự đều đã được tống đạt hợp lệ đến tham gia phiên toà lần thứ hai. Tại phiên toà hôm nay, có mặt nguyên đơn, vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] *Xét Hợp đồng vay vốn số 11/2008/PTICC-HĐVV ngày 26/03/2008 và Phụ lục 01 - Hợp đồng vay vốn Cán bộ công nhân viên năm 2012*.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 26/3/2008, ông Lê Văn N và Công ty BĐ ký Hợp đồng vay vốn số 11/2008/PTICC-HĐVV ngày 26/3/2008.

Năm 2012, ông Lê Văn N và Công ty BĐ ký Phụ lục 01 - Hợp đồng vay vốn Cán bộ công nhân viên xác định số tiền ông Lê Văn N đã cho Công ty BĐ vay là 67.182.296 đồng, xác định lãi phải trả đến 31/12/2011, Công ty dự kiến trả hết nợ gốc và lãi vào 31/12/2014.

Hợp đồng vay vốn số 11/2008/PTICC-HĐVV ngày 26/3/2008 và Phụ lục 01 - Hợp đồng vay vốn Cán bộ công nhân viên năm 2012 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện giao kết, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, dựa trên ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng, nội dung thỏa thuận và mức lãi suất cho vay không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do vậy, Hợp đồng vay vốn số 11/2008/PTICC-HĐVV ngày 26/3/2008 và Phụ lục 01 - Hợp đồng vay vốn Cán bộ công nhân viên năm 2012 được xác định là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Công ty BĐ cho rằng Hợp đồng vay vốn là giả tạo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để xem xét.

[2.2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty BĐ trả nợ gốc*:

Quá trình vay vốn, Công ty BĐ đã thanh toán 37.579.844 đồng nợ gốc, còn 29.602.452 đồng nợ gốc chưa thanh toán và chưa trả lãi cho ông Lê Văn N.

Do Công ty BĐ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của ông Lê Văn N, buộc Công ty BĐ thanh toán 28.384.198 đồng nợ gốc cho ông Lê Văn N là có căn cứ.

[2.3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty BĐ trả nợ lãi*:

Do Hợp đồng vay vốn số 11/2008/PTICC-HĐVV ngày 26/3/2008 và Phụ lục 01 - Hợp đồng vay vốn Cán bộ công nhân viên năm 2012 được xác định là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia nên Công ty BĐ phải có trách nhiệm trả lãi theo Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01 đã ký kết.

Theo Phụ lục 01 - Hợp đồng vay vốn Cán bộ công nhân viên năm 2012 thể hiện các bên thống nhất: Lãi vay từ 27/3/2008 đến 31/12/2011 là 21.795.058 đồng.

Lãi vay từ ngày 01/01/2012 đến ngày xét xử tính theo mức lãi suất 8,5%/năm đối với số tiền nợ gốc chưa trả là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Hợp đồng vay vốn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận và buộc Công ty BĐ thanh toán nợ lãi cho ông Lê Văn N là 34.790.461 đồng, cụ thể:

- Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 09/10/2012 là: 67.182.296 đồng x 0,0002329%/ngày x 283 ngày = 4.427.589 đồng.
- Từ ngày 10/10/2012 đến ngày 23/10/2012 là: 64.182.296 đồng x 0,0002329%/ngày x 14 ngày = 209.252 đồng.
- Từ ngày 24/10/2012 đến ngày 30/12/2014 là: 53.745.296 đồng x 0,0002329%/ngày x 798 ngày = 9.987.790 đồng.
- Từ ngày 31/12/2014 đến ngày 05/5/2015 là: 48.370.296 đồng x 0,0002329%/ngày x 126 ngày = 1.419.304 đồng.
- Từ ngày 06/5/2015 đến ngày 01/10/2015 là: 43.532.296 đồng x 0,0002329%/ngày x 149 ngày = 1.510.511 đồng.
- Từ ngày 02/10/2015 đến ngày 29/12/2015 là: 37.002.452 đồng x 0,0002329%/ngày x 89 ngày = 766.914 đồng.
- Từ ngày 30/12/2015 đến ngày 14/7//2022 là: 29.602.452 đồng x 0,0002329%/ngày x 2389 ngày = 16.469.101 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty BĐ phải thanh toán cho ông Thảo tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 14/7/2022 là 56.585.519 đồng là có căn cứ.

Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, Công ty BĐ đề nghị đưa ông Hoàng Ứng Huyền - nguyên giám đốc Công ty là người ký hợp đồng vay vốn với nguyên đơn tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận thấy thời điểm ông Hoàng Ứng Huyền ký hợp đồng vay vốn với ông Lê Văn N thì ông Hoàng Ứng Huyền ký với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty BĐ, không phải với tư cách cá nhân do đó Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Hoàng Ứng Huyền tham gia tố tụng là có căn cứ.

**[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty BĐ:**

Từ những phân tích tại mục [2], Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hà Nội.

**[4] Về án phí:**

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Lê Văn N không phải chịu án phí.

Công ty BĐ phải chịu 4.309.398 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo của Công ty BĐ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm nên Công ty BĐ phải chịu 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 155, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm c khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 68; Điều 92; Điều 93; Điều 147; Điều 148; Điều 271; Điều 272; Điều 273; khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử**: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng BĐ (PO); giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng BĐ (PO).

2. Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng BĐ (PO) phải thanh toán cho ông Lê Văn N nợ gốc là 29.602.452 đồng, nợ lãi từ ngày 27/3/2008 đến ngày xét xử sơ thẩm là 56.585.519 đồng. Tổng cộng là 86.187.971 đồng (tám mươi sáu triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi mốt đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người bị thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án xong.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng BĐ phải chịu 4.609.398 đồng (bốn triệu, sáu trăm linh chín nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm; được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA 0070552 ngày 05/08/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; còn phải nộp 4.309.398 đồng (bốn triệu, ba trăm linh chín nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- *VKS NDTP Hà Nội;*
- *TAND quận Đống Đa;*
- *Chi cục THA DS quận Đống Đa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Hồng**